TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2023/DS-PT
Ngày: 21-4-2023
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Yến

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Khánh

Ông Nguyễn Văn Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chiêu Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2022/DS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 71/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Đoàn Thị A, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Số 61 ấp H, xã Ai, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đoàn Thị A: Bà Đoàn Ngọc R, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Số 128 ấp H, xã A, thành phố T, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền ngày 02/11/2020).

1.2. Bà Đoàn Ngọc R, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Số 128 ấp H, xã A, thành phố T, tỉnh Long An.

1.3. Bà Đoàn Thị M, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số A đường C, phường K, thành phố T, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn: Luật sư Trần Thị Mai H - Văn phòng luật sư Trần Thị Mai H, Đoàn luật sư tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Huỳnh H1, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số B ấp V, xã A, thành phố T, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Văn L – Văn phòng Luật sư Lê Văn L, Đoàn luật sư tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đoàn Minh T, sinh năm 1980.

3.2. Bà Đoàn Thị Diệu H2, sinh năm 1982.

3.3. Ông Đoàn Ngọc L1, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Số B ấp V, xã A, thành phố T, tỉnh Long An.

3.4. Bà Đoàn Thị Diệu T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số B đường L, phường A, thành phố T, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tâm, bà Hiền, ông Lễ, bà Tính: Luật sư Lê Văn L – Văn phòng Luật sư Lê Văn L, Đoàn luật sư tỉnh Long An.

3.5. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An.

Địa chỉ: số 137 đường Quốc lộ 1, phường 4, thành phố T, tỉnh Long An.

3.6. Văn phòng Công chứng Phạm Thị H.

Địa chỉ: số 12-14 đường T, phường B, thành phố T, tỉnh Long An.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị Huỳnh H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ghi ngày 27 tháng 10 năm 2020, đơn khởi kiện bổ sung ghi ngày 08 tháng 7 năm 2022 của các nguyên đơn bà Đoàn Thị A, bà Đoàn Ngọc R, bà Đoàn Thị M và các bảng tự khai nội dung sự việc tại Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Đoàn Thị A là nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đoàn Ngọc R trình bày:

Cha mẹ các bà là cụ Đoàn Văn G, sinh năm 1918 (chết năm 2000) và cụ Nguyễn Thị C, sinh năm 1922 (chết năm 2001). Cụ G và cụ C có 04 người con là: Đoàn Thị A, sinh năm 1953; Đoàn Ngọc R, sinh năm 1955; Đoàn Ngọc S, sinh năm 1956 (chết năm 2002) và Đoàn Thị M, sinh năm 1973.

Lúc còn nhỏ tất chị em các bà ở chung với cha mẹ, sinh thời cụ G và cụ C có tạo dựng được tài sản gồm 9.950m^2 đất tại ấp V, xã A, thành phố T, tỉnh Long An. Sau đó, chị em gái các bà có gia đình, em trai là Đoàn Ngọc S ở chung với cha mẹ và có vợ là Lê Thị Huỳnh H1. Ông S và bà H1 sinh được 04 người con là Đoàn Minh T, Đoàn Thị Diệu H2, Đoàn Thị Diệu T, Đoàn Ngọc L1. Do giữa vợ chồng người em Đoàn Ngọc S và cha mẹ các bà không thuận nên vợ chồng ông S ra ở riêng và được cha mẹ chia cho ông S 4.000m^2 đất lúa. Còn lại 5.950m^2 đất lúa và đất thổ cụ G và cụ C được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993 (giấy trắng) gồm các thửa: 462, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.700m^2 (đất thổ cư); 504, tờ bản đồ số 1, diện tích 750m^2 (đất 2 lúa); 503, tờ bản đồ số 1, diện tích 3.500m^2 (đất 2 lúa).

Sau này, do cao tuổi không làm ruộng được nên cha mẹ các bà có cho ông Đoàn Ngọc S thuê đất lúa để canh tác và đong lúa hàng năm. Năm 1998 cha mẹ các bà ghi giấy cho các người con gái Đoàn Thị A, Đoàn Ngọc R, Đoàn Thị M mỗi người 1000m^2 đất lúa, nhưng chưa thực hiện được việc chia đất cho các người con gái thì cha mẹ qua đời.

Khi nhà nước thống nhất đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang bìa đỏ, ông Đoàn Ngọc S tự ý đi kê khai đăng ký toàn bộ 9.950m^2 đất, trong đó có 5.950m^2 đất lúa và đất thổ của cha mẹ mà không hỏi ý kiến của cha mẹ và chị em các bà. Phần đất lúa của cha mẹ, ông S tự kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 106, tờ bản đồ số 2, diện tích 3702m^2, địa chỉ tại xã A (hiện nay phần đất này đã cấp cho bà Lê Thị Huỳnh H1 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 601439 do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An cấp ngày 31/10/2012).

Ông Đoàn Ngọc S sống với vợ con bị hắt hủi nên buồn uống rượu say té mương chết năm 2002. Vào ngày 16/05/2003 chị em các bà có mời thân tộc để bàn việc phân chia tài sản cha mẹ để lại. Thân tộc nhất trí dù trai hay gái cũng thừa hưởng di sản cha mẹ để lại bằng nhau, nhưng bà H1 và các người con không đồng ý chia. Năm 2007 các bà khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An; bên bà H1 và các con năn nỉ rút đơn về sẽ chia đất cho các bà. Chị em các bà chờ đợi nhưng đến nay bên bà H1 và các con không thực hiện lời hứa.

Ngày 04 tháng 02 năm 2020 bà Lê Thị Huỳnh H1 cùng các con là Đoàn Minh T, Đoàn Thị Diệu H2, Đoàn Thị Diệu T, Đoàn Ngọc L1 tự ý phân chia di sản của cha mẹ các bà là thửa đất 106 như sau: Chia cho bà Lê Thị Huỳnh H1 diện tích 2783.2m^2 (hiện nay là thửa 1060, tờ bản đồ số 2); chia cho Đoàn Minh T diện tích 488.8m^2 (hiện nay là một phần thửa 1056, tờ bản đồ số 2); chia cho Đoàn Thị Diệu T diện tích 222.8m^2 (hiện nay là một phần thửa 1057, tờ bản đồ số 2); chia cho Đoàn Thị Diệu H2 diện tích 207.2m^2 (hiện nay là một phần thửa 1058, tờ bản đồ số 2).

Đối với một phần thửa 106 được chia cho Đoàn Minh T, Đoàn Thị Diệu T, Đoàn Thị Diệu H2 tổng diện tích 918.8m^2 xem như kỷ phần của ông Đoàn Ngọc S được chia, nay con ông S được hưởng, các bà không tranh chấp.

Đối với một phần thửa 106, hiện nay là thửa 1060, tờ bản đồ số 2, diện tích 2783.2m^2, địa chỉ tại xã A, thành phố T, tỉnh Long An do bà Lê Thị Huỳnh H1 đứng tên, hiện nay bà là nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đoàn Thị A yêu cầu như sau:

- Yêu cầu bà Lê Thị Huỳnh H1 phải trả lại di sản thừa kế của cha mẹ các bà là cụ Đoàn Văn G và cụ Nguyễn Thị C cho các bà là Đoàn Thị A, Đoàn Ngọc R, Đoàn Thị M được đồng quyền sử dụng phần đất lúa thuộc thửa 1060, tờ bản đồ số 2, diện tích 2783.2m^2, địa chỉ tại xã A, thành phố T, tỉnh Long An.

- Yêu cầu tuyên bố vô hiệu một phần Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế do Văn phòng Công chứng Phạm Thị H lập ngày 04/02/2020 đối với

phần diện tích đất lúa là 2783.2m^2 thuộc một phần thửa 106, tờ bản đồ số 2, địa chỉ tại xã A, thành phố T, tỉnh Long An giao cho bà Lê Thị Huỳnh H1.

Các nguyên đơn đồng ý với các kết quả về chứng thư thẩm định giá, mảnh trích đo địa chính do Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất TN đo vẽ, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ.

Nguyên đơn bà Đoàn Thị M thống nhất với lời trình bày của bà Đoàn Thị A là nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đoàn Ngọc R.

2. Bị đơn bà Lê Thị Huỳnh H1 do ông Nguyễn Văn T1 là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền không có bảng tự khai nội dung sự việc, không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T1 là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị Huỳnh H1 trình bày như sau: Ông Đoàn Ngọc S có đất trước năm 1975, năm 1997 mới được cấp giấy nhận quyền sử dụng đất không có liên quan gì đến tài sản, cấp giấy của ông Gạo. Ông Gạo và bà Chỉnh không có di sản thừa kế, nên không phải chia, không đồng ý toàn bộ yêu cầu của các nguyên đơn.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đoàn Minh T, bà Đoàn Thị Diệu H2, ông Đoàn Ngọc L1, bà Đoàn Thị Diệu T do ông Nguyễn Văn T1 là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền không có bảng tự khai nội dung sự việc, không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án. Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T1 là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có ý kiến gì.

3.2. Tại văn bản số 108/CV-VPCC ngày 30 tháng 6 năm 2021, Văn phòng Công chứng Phạm Thị H có ý kiến: Công chứng viên đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục về công chứng Văn bản phân chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật.

3.3. Tại văn bản ngày 30 tháng 11 năm 2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An do bà Phan Thị Trà Mi là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền có ý kiến: Đối với hồ sơ liên quan đến vụ án tranh chấp chia thừa kế này, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại thành phố T, tỉnh Long An đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Đối với yêu cầu của người khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân thành phố T tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2022/DS-ST ngày 17/11/2022 của Tòa án nhân thành phố T đã tuyên xử:

Căn cứ Điều 5, Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; các điều 147, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 117, 122, 609, 610, 612, 613, 623, 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Đoàn Thị A, bà Đoàn Ngọc R, bà Đoàn Thị M về tranh chấp thừa kế tài sản.

Tuyên bố một phần Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được lập ngày 04 tháng 02 năm 2020 đối với một phần thửa đất số 106, tờ bản đồ số 2, diện tích 2783.2m^2, địa chỉ: xã A, thành phố T, tỉnh Long An giao bà Lê Thị Huỳnh H1 tại Văn phòng Công chứng Phạm Thị H là vô hiệu.

Xác định di sản thừa kế của ông Đoàn Văn G và bà Nguyễn Thị C là: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: xã A, thành phố T, tỉnh Long An đối với thửa đất số 1060, tờ bản đồ số 2, diện tích 2783.2m^2, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, số CV 153351, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 05589 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 03 tháng 3 năm 2020 cho bà Lê Thị Huỳnh H1. Tổng giá trị tài sản là 3.584.762.000 đồng (Ba tỷ, năm trăm tám mươi bốn triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Buộc bà Lê Thị Huỳnh H1 phải trả lại di sản thừa kế của ông Đoàn Văn G và bà Nguyễn Thị C phần đất thuộc thửa số 1060, tờ bản đồ số 2, diện tích 2783.2m^2, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước địa chỉ: xã A, thành phố T, tỉnh Long An để chia di sản thừa kế cho bà Đoàn Thị A, bà Đoàn Ngọc R, bà Đoàn Thị M.

Bà Đoàn Thị A, bà Đoàn Ngọc R, bà Đoàn Thị M được nhận đồng Quyền sử dụng đối với thửa đất số 1060, tờ bản đồ số 2, diện tích 2783.2m^2, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, số CV 153351 theo mảnh trích đo địa chính do Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất TN đo vẽ ngày 19 tháng 3 năm 2021 được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại thành phố T, tỉnh Long An duyệt ngày 22 tháng 3 năm 2021 và chứng thư thẩm định giá do Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và tư vấn Hồng Đức lập ngày 20 tháng 5 năm 2021.

2. Giao cho bà Đoàn Thị A, bà Đoàn Ngọc R, bà Đoàn Thị M được đồng quyền sở hữu, quản lý, sử dụng cây trồng là 200 (hai trăm) cây dừa và quản lý 04 (bốn ngôi mộ) trên thửa đất số 1060, tờ bản đồ số 2 địa chỉ ấp V, xã A, thành phố T, tỉnh Long An theo mảnh trích đo địa chính do Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất TN đo vẽ ngày 19 tháng 3 năm 2021 được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại thành phố T, tỉnh Long An duyệt ngày 22 tháng 3 năm 2021 và chứng thư thẩm định giá do Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và tư vấn Hồng Đức lập ngày 15 tháng 9 năm 2022.

Bà Đoàn Thị A, bà Đoàn Ngọc R, bà Đoàn Thị M có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Lê Thị Huỳnh H1 giá trị 200 (hai trăm) cây dừa được trồng trên đất với số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể

từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đến tổ chức đăng ký đất đai thuộc cơ quan quản lý đất đai để được kê khai đăng ký điều chỉnh biến động cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật tại thửa đất số 1060, tờ bản đồ số 2; địa chỉ ấp V, xã A, thành phố T, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 95 Luật đất đai năm 2013, Điều 73 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai (đồng quyền sử dụng đất).

4. Về chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản là: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Bà Đoàn Thị A, bà Đoàn Ngọc R, bà Đoàn Thị M phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản (đã nộp xong).

5. Về án phí: Bà Đoàn Thị A, bà Đoàn Ngọc R, bà Đoàn Thị M mỗi người phải có nghĩa vụ chịu 48.180.952 đồng (Bốn mươi tám triệu, một trăm tám mươi nghìn, chín trăm năm mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm (trong đó có 47.847.619 đồng (Bốn mươi bảy triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn, sáu trăm mười chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị phần tài sản được chia và 333.333 đồng (Ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản phải có nghĩa vụ thực hiện. Do vậy chuyển tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Đoàn Thị M đã nộp là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004937 ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An thành án phí dân sự sơ thẩm. Như vậy, bà Đoàn Thị M còn phải nộp tiếp 43.180.952 đồng (Bốn mươi ba triệu, một trăm tám mươi nghìn, chín trăm năm mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đoàn Thị A, bà Đoàn Ngọc R được xét miễn nộp tiền án phí Tòa án phải nộp theo đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí Tòa án của bà Đoàn Thị A, bà Đoàn Ngọc R thuộc trường hợp người cao tuổi được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, bà Đoàn Thị A, bà Đoàn Ngọc R không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Huỳnh H1, ông Đoàn Minh T, bà Đoàn Thị Diệu H2, ông Đoàn Ngọc L1, bà Đoàn Thị Diệu T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, hướng dẫn thi hành án dân sự.

Bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 22/11/2022 bị đơn bà Lê Thị Huỳnh H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Bị đơn bà Lê Thị Huỳnh H1 trình bày: Phần đất các nguyên đơn tranh chấp ông Đoàn Ngọc S (chồng bà) đã được cụ G và cụ C tặng cho vào năm 1997 vì ông S là con trai duy nhất sống với cha mẹ, có trách nhiệm phụng dưỡng cha mẹ. Khi ông S được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ G và cụ C cũng như các nguyên đơn đều không tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế cho các nguyên đơn thửa đất số 1060, tờ bản đồ số 2, diện tích 2783.2m^2, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước là không phù hợp. Bà H1 đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà, bác yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Nguyên đơn bà Đoàn Ngọc R trình bày: Cha bà là cụ G, sinh năm 1918, chết năm 2000 và mẹ các bà là cụ C, sinh năm 1922, chết năm 2001; cha mẹ các bà có 04 người con là bà A, bà, ông S và bà M. Khi còn sống cha mẹ bà tạo lập được 9950m^2 đất lúa và thổ. Ông S là con trai duy nhất sống chung nên cha mẹ bà cho ông S 4000m^2 đất lúa, còn lại 5950m^2 đất lúa và thổ cha mẹ các bà được nhà nước cấp giấy trắng năm 1993. Năm 1998, cha mẹ các bà ghi giấy tay cho 03 người con gái mỗi người 1000m^2 đất lúa, chưa kịp sang tên thì cha mẹ chết. Năm 1997, ông S tự kê khai cấp giấy chứng nhận toàn bộ diện tích đất cha mẹ và và các chị em bà không hay biết nên không có khiếu nại. Năm 2002, ông S chết, các bà yêu cầu bà Lê Thị Huỳnh H1 trả lại di sản thừa kế tại thửa 1060, diện tích 2783,2m^2, tờ bản đồ số 2, loại đất lúa để chia thừa kế cho 3 người chị em Gái. Tòa án nhân dân thành phố T chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các bà. Bà R đề nghị Hội đồng xét xử giữ y bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố T.

Nguyên đơn bà Đoàn Thị M trình bày: Thống nhất với ý kiến của bà Đoàn Ngọc R, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ y bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn tranh luận: Thửa đất mà các nguyên đơn tranh chấp với bị đơn do ông Đoàn Ngọc S (chồng bà H1) đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997. Ông S được cha mẹ tặng cho quyền sử dụng đất vì là con út sống chung với cha mẹ, có trách nhiệm nuôi dưỡng cha mẹ già chứ không phải là di sản thừa kế của cụ G và cụ C để lại. Ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997, khi đó cụ G và cụ C còn sống cũng không có ý kiến gì; các nguyên đơn không tranh chấp, đến khi ông S chết năm 2002 các nguyên đơn mới tranh chấp. Việc các nguyên đơn họp hội tộc tự chia đất không được bà H1 và các con bà H1 đồng ý. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng di sản của cụ G và cụ C còn nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và chia thừa kế cho các nguyên đơn thửa đất số 1060, tờ bản đồ số 2, diện tích 2783.2m^2 là không phù hợp vì di sản của cụ G và cụ C không còn kể từ khi ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng, đưa thiếu người tham gia tố tụng, cụ thể là Ủy ban nhân dân xã A, Ủy ban nhân dân thành phố T

là cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đoàn Ngọc S; chưa thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S năm 1997; không đưa bà Nguyễn Thị Diệu N tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vì bà N là người nhận chuyển nhượng thửa đất số 1060, tờ bản đồ số 2, diện tích 2783.2m^2 ngay tình từ bà H1 và đã được cập nhật sang tên. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn tranh luận: Lúc cụ G và cụ C còn sống, ông S lập gia đình đã được cha mẹ cho 4000m^2 đất lúa; còn lại 5950m^2 đất lúa và thổ cha mẹ các nguyên đơn được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993 (giấy trắng) gồm các thửa 462, tờ bản đồ số 1, diện tích 1700m^2 (đất thổ cư); thửa 504, tờ bản đồ số 1, diện tích 750m^2 (đất 2 lúa); thửa 503, tờ bản đồ số 1, diện tích 3500m^2 (đất 2 lúa). Năm 1998, cha mẹ các nguyên đơn có ghi giấy cho 03 người con gái là bà A, bà R và bà M mỗi người 1000m^2 đất lúa, nhưng chưa chia đất thì cụ G và cụ C chết. Năm 1997 khi ông S kê khai cấp giấy chứng nhận toàn bộ diện tích đất, cụ G, cụ C đã già yếu nên không biết; bà A, bà R và bà M có chồng sống ở nơi khác cũng không biết. Sau khi ông S chết, bà H1 lập thủ tục thừa kế đất, sau đó chia đất cho 4 người con, các nguyên đơn không tranh chấp các phần đất đã chia, chỉ yêu cầu chia thừa kế thửa 1060, diện tích 2782,2m^2, loại đất lúa là di sản thừa kế của cụ G và cụ C để chia cho các nguyên đơn. Việc bà H1 chuyển nhượng thửa 1060, diện tích 2782,2m^2 cho bà Nguyễn Thị Diệu N vào ngày 01/4/2020 là sự đối phó, vì bà Diệu N là con dâu của bà H1. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tính hợp pháp của việc chuyển nhượng này. Con đối với việc Tòa án nhân dân thành phố T không đưa Ủy ban nhân dân xã A, Ủy ban nhân dân thành phố T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vì không cần thiết. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo đơn khởi kiện của các nguyên đơn, bác yêu cầu kháng cáo của bà H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm cúa Tòa án nhân dân thành phố T.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Khi ông Đoàn Ngọc S kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997, lúc đó cụ G và cụ C còn sống và không có tranh chấp. Năm 1998, các nguyên đơn cho rằng cụ G có lập giấy tay cho 03 người con gái mỗi người 1000m^2 đất lúa nhưng chưa kịp cho đất thì cụ G và cụ C chết. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập bản chính giấy họp thân tộc; chưa xác minh làm rõ tại Ủy ban nhân dân xã A nguyên đơn trình bày có đúng không. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H1 và bà Nguyễn Thị Diệu N đều trình bày và cung cấp chứng cứ, vào ngày 01/4/2020 bà Lê Thị Huỳnh H1 lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (giấy tay) chuyển cho bà Diệu N thửa 1059 và thửa 1060 với giá 450.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Nguyễn Thị

Diệu N vào tham gia tố tụng là thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Diệu N.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố T do vi phạm thủ tục tố tụng như đã phân tích ở trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Huỳnh H1 được thực hiện đúng quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An đã được tống đạt thủ tục hợp lệ hai lần; Văn phòng Công chứng Phạm Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các người có tên nêu trên.

[3] Về nội dung vụ án: Các nguyên đơn bà Đoàn Thị A, bà Đoàn Ngọc R, bà Đoàn Thị M tranh chấp chia di sản thừa kế của cha mẹ ruột là cụ G và cụ C chết để lại, yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa 1060, tờ bản đồ số 2, diện tích 2782,2m^2, loại đất lúa, đất tại xã A, thành phố T, tỉnh Long An do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 03/3/2020 cho bà Lê Thị Huỳnh H1. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, buộc bà Lê Thị Huỳnh H1 phải trả lại di sản thừa kế của cụ Đoàn Văn G và Nguyễn Thị C thửa đất 1060 để chia thừa kế cho các bà A, R và M. Bà Đoàn Thị A, bà Đoàn Ngọc R, bà Đoàn Thị M được nhận đồng quyền sử dụng đối với thửa đất số 1060, tờ bản đồ số 2, diện tích 2782,2m^2, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước tại xã A, thành phố T, tỉnh Long An do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 03/3/2020 cho bà Lê Thị Huỳnh H1, bà Huỳnh Hoa kháng cáo.

[4] Về di sản thừa kế: Các nguyên đơn cho rằng di sản của cụ G và cụ C để lại là 5950m^2 đất lúa và thổ, cụ G và cụ C được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993 (giấy trắng) gồm các thửa 462, tờ bản đồ số 1, diện tích 1700m^2 (đất thổ cư); thửa 504, tờ bản đồ số 1, diện tích 750m^2 (đất 2 lúa); thửa 503, tờ bản đồ số 1, diện tích 3500m^2 (đất 2 lúa). Năm 1997, khi nhà nước thống nhất đổi giấy, ông S tự ý kê khai luôn các phần đất này mà không hỏi ý kiến của cụ G và cụ C. Năm 2002 ông S chết, các nguyên đơn mới biết phần đất của cha mẹ ông S đã kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1997 nên các nguyên đơn tranh chấp kéo dài đến nay. Bà Lê Thị Huỳnh H1 hưởng thừa kế quyền sử dụng đất từ chồng là ông Đoàn Ngọc S, ngày 04/02/2020 bà H1 và các con lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, chia đất cho bà H1 và các con. Các nguyên đơn tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa 1060, tờ bản đồ số 2, diện tích 2782,2m^2, loại đất lúa, đất tại xã A, thành phố T, tỉnh Long An do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 03/3/2020 cho bà Lê Thị Huỳnh H1. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, chia thừa kế cho các bà A, R, M đồng sở

hữu đối với thửa đất số 1060, tờ bản đồ số 2, diện tích 2782,2m^2, loại đất lúa, đất tại xã A, thành phố T theo Mảnh trích đo do Công ty TNHH đo đạc Nhà đất TN đo đạc ngày 19/3/2021, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố T duyệt ngày 22/3/2021. Bị đơn bà H1 và các con bà H1 không thừa nhận thửa đất các nguyên đơn tranh chấp là di sản thừa kế mà là tài sản của ông S. Biên bản họp hội tộc ngày 16/5/2003 chia đất cho các nguyên đơn không có sự tham gia của bà H1. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993 (mẫu giấy trắng) của cụ G và hồ sơ kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997 của ông Đoàn Ngọc S tường trình về nguồn gốc đất nên chưa có đủ cơ sở để xác định thửa đất số 1060, tờ bản đồ số 2, diện tích 2782,2m^2, loại đất lúa, đất tại xã A, thành phố T, tỉnh Long An là di sản của cụ G và cụ C để lại chưa chia. Chưa thu thập xác minh tại Ủy ban nhân dân xã A vào năm 1998 cụ G và cụ C có cho 1000m^2 đất lúa cho 3 người con gái nhưng chưa kịp làm thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật thì cụ G và cụ C chết và các nguyên đơn tranh chấp tại Ủy ban nhân dân xã A từ năm 2003 đến nay hay không.

[5] Về sự tham gia tố tụng của bà Nguyễn Thị Diệu N: Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H1 và bà Nguyễn Thị Diệu N yêu cầu Tòa án đưa bà N tham gia tố tụng do yêu cầu chia di sản thừa kế thửa 1060 của các nguyên đơn ảnh hưởng đến quyền lợi của bà N. Hội đồng xét xử thấy rằng, tại phiên tòa phúc thẩm, bà Diệu N trình bày ngày 01/4/2020 bà đã nhận chuyển nhượng thửa 1060, tờ bản đồ số 2, diện tích 2783,2m^2 và thửa 1059, tờ bản đồ số 2, diện tích 782,30m^2 từ bà H1 (mẹ chồng của bà, bà N là vợ của anh Đoàn Ngọc L1) với giá 450.000.000 đồng, bà đã giao đủ tiền cho bà H1, đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố T cập nhật sang tên ngày 24/11/2020. Bà H1 cũng đã giao đất cho bà, hiện nay bà đã trồng dừa. Vì vậy, để giải quyết toàn diện vụ án cần đưa bà Nguyễn Thị Diệu N vào tham gia tố tụng trong vụ án.

[6] Do Tòa án cấp sơ thẩm có những sai sót làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 92/2022/DS-ST ngày 17/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An. Giao hồ sơ vụ án về Toà án nhân dân thành phố T giải quyết lại vụ án.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Lê Thị Huỳnh H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận theo Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Huỳnh H1.

1. Huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2022/DS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Huỳnh H1 không phải chịu.

4. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Ngọc Yến